

Bản án số: 49/2017/HSPT

Ngày: 18/8/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Chu Long Kiềm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn.

Bà Chu Thị Nguyễn Phin.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Tống Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 69/2017/HSPT ngày 20 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo H, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2017/HSST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bị cáo có kháng cáo: H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1982, tại TY - Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện TY, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở hiện nay: Khu 1, xã T2, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông B1 (đã chết) và bà B2; anh, chị em ruột: Không, bị cáo là con một; chồng: B3, sinh năm 1979; con: Có 03 con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2016; tiền sự; tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 13/12/2016, Tổ công tác Công an huyện L phối hợp với Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại cửa khẩu T2, huyện L, phát hiện A và A1 đang giao cho H nhiều tờ cáp ghi lô đề trái phép tại nhà của H ở khu 1, xã T2, Tổ công tác yêu cầu H giao nộp tất cả những tờ cáp ghi lô đề để kiểm tra, H giao nộp 37 tờ cáp ghi lô đề ngày 13/12/2016 (trong đó có 18 tờ cáp đề là của A ghi, 17 tờ cáp đề là của A1 ghi,

02 tờ cáp đề là của H ghi). Tổ công tác đã lập biên bản sự việc đối H, A và A1, tạm giữ 37 tờ cáp; 01 điện thoại di động và những đồ vật, tài liệu liên quan đến hoạt động ghi lô đề trái phép của H. Đồng thời tiến hành xác định số tiền bán số lô đề ngày 13/12/2016 của H, A và A1 từ 37 tờ cáp lô đề do H giao nộp kết quả như sau: 02 tờ cáp đề của H ghi được số tiền là 380.000 (ba trăm tám mươi nghìn) đồng; 18 tờ cáp đề của A ghi được là 4.612.000 (bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn) đồng; 17 tờ cáp đề của A1 ghi được số tiền là 2.844.000 (hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

Kiểm tra tin nhắn mua số lô đề còn lưu trong máy điện thoại của H, xác định được ngày 13/12/2016 bán số lô đề qua tin nhắn điện thoại được là 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng.

Tổng số tiền bán số lô đề ngày 13/12/2016 của các tờ cáp đề và qua tin nhắn điện thoại của H, A và A1 được là 11.636.000 (mười một triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

* Đồ vật thu giữ gồm: 37 nửa tờ vé xổ số lô tô; 01 điện thoại di động; 01 quyển sổ kẹp tài liệu; 64 tờ giấy kết quả xổ số miền Bắc; 02 hợp đồng mở đại lý bán vé xổ số (hợp đồng số 15 mang tên H; hợp đồng số 09 mang tên B3); 831.000 (tám trăm ba mươi một nghìn) đồng; 01 quyển lô tô mệnh giá 10.000 (mười nghìn) đồng có 88 tờ; 141 vé số lô tô xổ số có mệnh giá 10.000 (mười nghìn) đồng; 03 tờ giấy than;

Tại cơ quan điều tra H khai nhận: Gia đình mở quán cơm tại khu 1, xã T2, huyện L, H thuê A và A1 giúp việc tại quán cơm. Từ tháng 7/2016 H làm đại lý bán vé xổ số cho Công ty xổ số kiến thiết Lạng Sơn, từ đó H vừa bán vé xổ số hợp pháp vừa đánh bạc bằng hình thức làm chủ lô đề, H trực tiếp bán số lô đề tại nhà, người đánh bạc bằng hình thức chơi lô đề với H hoặc với thư ký ghi lô đề cho H, nếu người mua số lô đề trúng thưởng thì chủ lô đề phải trả thưởng cho họ, nếu người mua lô đề không trúng, thì chủ lô đề được hưởng số tiền mua số lô đề của những người đó. H dùng những tờ vé xổ số đã sử dụng làm cáp ghi lô đề, khi có người mua lô đề thì H ghi cáp đề cho người mua, khi ghi cáp đề H dùng giấy than lót để in thêm một tờ cáp, H giao tờ cáp đề ghi trực tiếp cho người mua và thu tiền mua số lô đề, tờ cáp đề in bằng giấy than H giữ lại để theo dõi. Ngoài ra H còn bán số lô đề cho những người quen qua tin nhắn điện thoại, khi có người nhắn tin đến điện thoại của H để mua số lô đề, nếu H đồng ý bán số lô đề cho họ thì H nhắn tin trả lời là "OK" sau đó hai bên mới gặp nhau thanh toán tiền lô đề với nhau, sau khi mở thưởng kết quả xổ số ngày hôm đó. Từ tháng 7/2016 H thuê A làm thư ký ghi lô đề trái phép, từ 05/12/2016 H thuê A1 làm thư ký ghi lô đề trái phép. H đưa cho A, A1 nhiều tờ vé xổ số đã sử dụng để làm cáp ghi lô đề. Hàng ngày khoảng 15 giờ A, A1 đi bán số lô đề cho H, đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày A, A1 đem những tờ cáp đề và tiền bán số lô đề trong ngày về nộp cho H, những người mua số lô đề với H, A và A1 nếu trúng thưởng, thì họ đến lấy tiền thưởng với H hoặc H đưa tiền cho A, A1 trả thưởng cho họ. Người trúng thưởng là trùng với số giải thưởng xổ số miền Bắc ngày hôm đó, hình thức chơi đề là 1 x 70 lần, ba càng là có 3 chữ số, tỷ lệ trúng thưởng con ba càng 1 x 400 lần, chơi Lô là một cặp số có 2 chữ số, 1 lô =

23.000 (hai mươi ba nghìn) đồng, trúng thường được 80.000 (tám mươi nghìn) đồng, đánh các lô xiên 1, xiên 2, xiên 3, xiên 4. Ngày 13/12/2016 H bán số lô đề cho người đến mua trực tiếp được 380.000 (ba trăm tám mươi nghìn) đồng, bán qua tin nhắn điện thoại cho Nguyễn Thị Hằng và Dương Văn Thành được 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng, A bán số lô đề cho H được 4.612.000 (bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn) đồng, A1 bán số lô đề cho H được 2.844.000 (hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng, A1 đã giao tiền cho H. Trong ngày 13/12/2016 số tiền bán lô đề trái phép tổng cộng được 11.636.000 (mười một triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2017/HSST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo H phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248, Điều 33, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo H 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Phạt tiền bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, truy thu số tiền do phạm tội mà có, án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo.

Ngày 20/6/2017, bị cáo H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo thừa nhận bị xét xử về tội "Đánh bạc" là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ 14 tháng tuổi nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên sau tranh luận; đề nghị xem xét: Đơn kháng cáo của bị cáo H làm trong hạn luật định là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, áp dụng hình phạt thỏa đáng. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo. Thấy rằng, bị cáo phạm tội lần đầu, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh khó khăn, có căn cước rõ ràng, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo đã nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn để thi hành án về số tiền phạt, đây là tình tiết mới thể hiện sự ăn năn hối cải. Bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Đề nghị hội đồng xét xử, chuyển hình phạt 06 tháng tù giam sang 06 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Thấy rằng, mức hình phạt 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là phù hợp. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cần xem xét yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cần xem xét cho bị cáo hưởng thêm những nguyên tắc có lợi theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền 6.000.000 đồng(sáu triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn để thi hành án toàn bộ số tiền phạt, tiền truy thu, đây là tình tiết mới thể hiện sự ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được xác nhận của chính quyền địa phương đã thể hiện tại nơi cư trú bị cáo là công dân tốt, nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú; chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc chuyển hình phạt từ 06 tháng tù giam sang cho hưởng án treo. Điều đó hoàn toàn phù hợp với hướng dẫn tại khoản 1 điều 2 của Nghị quyết Số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 6/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Cần sửa án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo. Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 và điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **H**, sửa một phần bản án sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 của Bộ Luật hình sự năm 1999. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015

- Xử phạt bị cáo **H 06** (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T2, huyện L, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt tiền bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xác nhận bị cáo **H** đã nộp tạm ứng tiền phạt 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), theo Biên lai số: AA/2011/03187 ngày 10/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Để thi hành án tiền phạt, tiền truy thu.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, Toà Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiểm